

BIÊN BẢN

Họp thẩm định dự toán kinh phí nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ (đợt 2)

Căn cứ Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Thông tư 01/2025/TT-BNV ngày 17/1/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị;

Căn cứ Thông tư 02/2025/TT-BNV ngày 04/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2025/TT-BNV ngày 17/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị⁽¹⁾;

Căn cứ Quyết định số 212-QĐ/TU ngày 24/8/2025 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về phê duyệt Danh sách công chức nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc và hưởng chế độ, chính sách theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP và Nghị định 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ tại Đảng ủy xã Đắk Kôi;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 của UBND xã Đắk Kôi về việc thành lập Tổ thẩm định dự toán kinh phí cho các đối tượng nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 và Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Hôm nay, vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 26/8/2025, tại Hội trường trụ sở HĐND&UBND xã, Tổ thẩm định tổ chức cuộc họp thẩm định dự toán kinh phí đề nghị nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ đối với các trường hợp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể:

⁽¹⁾ Khoản 4 Điều 1 quy định: “Đối với nữ cán bộ, công chức cấp xã nghỉ từ ngày 01/01/2025 trở đi và những người nghỉ từ ngày Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2025 thì mức trợ cấp được tính như sau: 15 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng; đối với số năm còn lại (từ năm thứ 16 trở đi), mỗi năm được trợ cấp bằng 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng.”

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ CUỘC HỌP:

1. Tổ trưởng: (Ông) Đào Thanh Sang - Phó Chủ tịch UBND xã.

2. Tổ phó: (Ông) Đinh Ngọc Hải - Trưởng Phòng Kinh tế.

3. Các tổ viên:

- (Ông): Trần Minh Tiến - Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã.

- (Ông): Đỗ Đình Ngọc - Trưởng phòng Văn hóa - xã hội.

- (Bà): Trần Thị Kim Oanh - Chuyên viên Phòng Kinh tế kiêm thư ký.

- (Bà): Nguyễn Thị Thu Phương - Kế toán Văn phòng Đảng ủy xã.

- Mời: Phó Trưởng ban Xây dựng Đảng, Phó Giám đốc QLĐH BHXH cơ sở Kon Rẫy; Chánh Văn phòng Đảng ủy xã, Phó Trưởng Công an xã, Chủ tịch UBMTTQVN xã tham gia với tư cách là Tổ viên.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP:

Tổ thẩm định tiến hành rà soát, kiểm tra thông tin và số kinh phí thực hiện chính sách, chế độ của các đối tượng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ tại Quyết định số 212-QĐ/TU ngày 24/8/2025 của Tỉnh ủy Kon Tum về phê duyệt Danh sách công chức nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc và hưởng chế độ, chính sách theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP và Nghị định 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ tại Đảng ủy xã Đắk Kôi.

Qua kiểm tra hồ sơ của các trường hợp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các thông tin (*tuổi nghỉ hưu đúng tuổi theo quy định; tuổi nghỉ hưu trước tuổi; thời gian nghỉ sớm so với tuổi nghỉ hưu theo quy định; số năm đóng bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội; hệ số lương theo ngạch bậc chức vụ chức danh hiện hưởng; hệ số các loại phụ cấp theo lương của tiền lương tháng hiện hưởng; Tổng số kinh phí thực hiện chính sách*) đảm bảo đúng theo quy định, từng trường hợp cụ thể:

A. NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 178/2024/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 67/2025/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ.

1. Đ/c Trương Hồng Doanh

- Ngày sinh: 01/05/1971

- Ngày bắt đầu đóng bảo hiểm: 1/3/2004

- Ngày nghỉ hưu trước tuổi: 31/08/2025

- Tuổi nghỉ hưu đúng tuổi theo quy định: 62 năm

- Tuổi nghỉ hưu trước tuổi: 54 năm 4 tháng

- Thời gian nghỉ sớm so với tuổi nghỉ hưu theo quy định: 7 năm 8 tháng

- Số năm đóng bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội: 21 năm 6 tháng

- Hệ số lương theo ngạch bậc chức vụ chức danh hiện hưởng 3,99; Phụ cấp chức vụ: 0,3; Phụ cấp công vụ 25%.

- **Kinh phí thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi: 1.170.124.313 đồng.**

* **Tổng kinh phí thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ cho 01 trường hợp là 1.170.124.313 đồng.**

B. NGHỈ THÔI VIỆC THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 178/2024/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 67/2025/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ.

1. Đ/c Trương Thị Mỹ Linh

- Ngày sinh: 20/12/1985
- Ngày bắt đầu đóng bảo hiểm: 01/01/2011
- Ngày tinh giản: 31/08/2025
- Tuổi nghỉ: 39 năm 8 tháng
- Số năm đóng bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội: 14 năm 8 tháng
- Hệ số lương theo ngạch bậc chức vụ chức danh hiện hưởng 3,66; Phụ cấp chức vụ: không có; Phụ cấp công vụ 25%.

- Kinh phí thực hiện chính sách nghỉ thôi việc: 786.854.250 đồng.

2. Đ/c A Câu

- Ngày sinh: 16/11/1986
- Ngày bắt đầu đóng bảo hiểm: 01/01/2007
- Ngày tinh giản: 31/08/2025
- Tuổi nghỉ: 38 năm 9 tháng
- Số năm đóng bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội: 18 năm 8 tháng
- Hệ số lương theo ngạch bậc chức vụ chức danh hiện hưởng 3,33; Phụ cấp chức vụ: 0,2; Phụ cấp công vụ 25%.

- Kinh phí thực hiện chính sách nghỉ thôi việc: 820.857.375 đồng.

3. Đ/c Đặng Thị Thủy

- Ngày sinh: 22/8/1987
- Ngày bắt đầu đóng bảo hiểm: 01/7/2011
- Ngày tinh giản: 31/08/2025
- Tuổi nghỉ: 38 năm 0 tháng
- Số năm đóng bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội: 13 năm 4 tháng
- Hệ số lương theo ngạch bậc chức vụ chức danh hiện hưởng 3,0; Phụ cấp chức vụ: 0,15; Phụ cấp công vụ 25%.

- Kinh phí thực hiện chính sách nghỉ thôi việc: 656.479.688 đồng.

4. Đ/c A Đạt

- Ngày sinh: 02/9/1991
- Ngày bắt đầu đóng bảo hiểm: 01/01/2016
- Ngày tinh giản: 31/08/2025
- Tuổi nghỉ: 33 năm 11 tháng
- Số năm đóng bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội: 09 năm 5 tháng
- Hệ số lương theo ngạch bậc chức vụ chức danh hiện hưởng 3,0; Phụ cấp chức vụ: 0,15; Phụ cấp công vụ 25%.

- Kinh phí thực hiện chính sách nghỉ thôi việc: 601.197.188 đồng.

5. Đ/c Y Xanh

- Ngày sinh: 18/3/1988
- Ngày bắt đầu đóng bảo hiểm: 01/12/2013
- Ngày tinh giản: 31/08/2025
- Tuổi nghỉ: 37 năm 5 tháng
- Số năm đóng bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội: 11 năm 9 tháng

- Hệ số lương theo ngạch bậc chức vụ chức danh hiện hưởng 3,33; Phụ cấp chức vụ: 0,15; Phụ cấp công vụ 25%.

- **Kinh phí thực hiện chính sách nghỉ thôi việc: 702.351.000 đồng.**

6. Đ/c A Trường

- Ngày sinh: 10/10/1985

- Ngày bắt đầu đóng bảo hiểm: 01/11/2010

- Ngày tinh giản: 31/08/2025

- Tuổi nghỉ: 39 năm 10 tháng

- Số năm đóng bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội: 14 năm 10 tháng

- Hệ số lương theo ngạch bậc chức vụ chức danh hiện hưởng 2,67; Phụ cấp chức vụ: 0,15; Phụ cấp công vụ 25%.

- **Kinh phí thực hiện chính sách nghỉ thôi việc: 606.264.750 đồng.**

7. Đ/c A Minh

- Ngày sinh: 03/10/1978

- Ngày bắt đầu đóng bảo hiểm: 01/09/2004

- Ngày tinh giản: 31/08/2025

- Tuổi nghỉ: 46 năm 10 tháng

- Số năm đóng bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội: 21 năm 0 tháng

- Hệ số lương theo ngạch bậc chức vụ chức danh hiện hưởng 3,99; Phụ cấp chức vụ: 0,2; Phụ cấp công vụ 25%.

- **Kinh phí thực hiện chính sách nghỉ thôi việc: 1.011.099.375 đồng.**

8. Đ/c A Thủy

- Ngày sinh: 01/01/1979

- Ngày bắt đầu đóng bảo hiểm: 01/02/2004

- Ngày tinh giản: 31/08/2025

- Tuổi nghỉ: 46 năm 8 tháng

- Số năm đóng bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội: 21 năm 7 tháng

- Hệ số lương theo ngạch bậc chức vụ chức danh hiện hưởng 2,67; Phụ cấp chức vụ: 0,15; Phụ cấp công vụ 25%.

- **Kinh phí thực hiện chính sách nghỉ thôi việc: 692.874.000 đồng.**

*** Tổng kinh phí thực hiện chính sách nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ cho 08 trường hợp là 5.877.977.625 đồng.**

Tổng kinh phí thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ cho 09 trường hợp trên địa bàn xã Đắk Kôi (đợt 2) là 7.048.101.938 đồng.

(chi tiết theo các Phụ lục kèm theo).

Để đảm bảo kinh phí chi trả chính sách, chế độ cho của các đối tượng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ (đợt 2) trên địa bàn xã Đắk Kôi, Tổ thẩm định thống nhất đề xuất UBND xã lập Tờ trình đề nghị Sở Tài chính hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách trên.

Biên bản kết thúc vào lúc 17 giờ 00 phút cùng ngày, đã được thông qua và các thành viên Tổ thẩm định thống nhất ký tên./.

TỔ PHÓ



Đinh Ngọc Hải
Trưởng phòng Kinh tế

TỔ TRƯỞNG



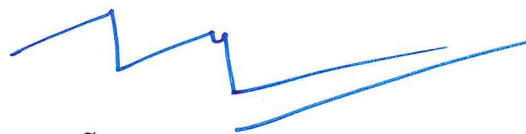
Đào Thanh Sang
Phó Chủ tịch UBND xã

Tổ viên



Trần Minh Tiên
Chánh Văn phòng HĐND&UBND

Tổ viên



Đỗ Đình Ngọc
Trưởng phòng Văn hóa - xã hội

Tổ viên



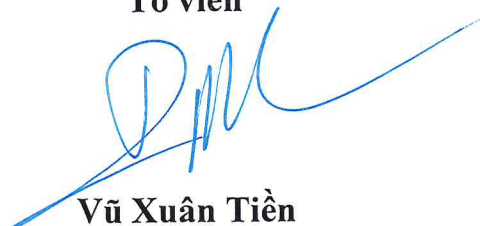
Nguyễn Văn Chiến
Chánh Văn phòng Đảng ủy xã

Tổ viên



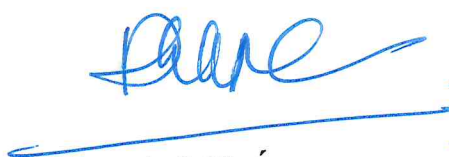
A Vai
Chủ tịch UBMTQVN xã

Tổ viên



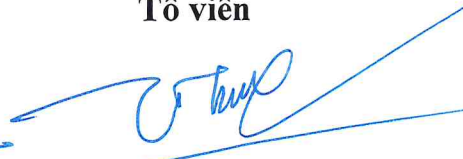
Vũ Xuân Tiên
Phó Trưởng Công an xã

Tổ viên



Đặng Anh Tuấn
Phó Giám đốc QLĐH
BHXH cơ sở Kon Rẫy

Tổ viên



Nguyễn Đức Thọ
Phó Trưởng ban XD Đảng

Tổ viên kiêm Thư ký



Trần Thị Kim Oanh
Chuyên viên Phòng Kinh
tế xã

Tổ viên



Nguyễn Thị Thu Phương
Kế toán Văn phòng Đảng
ủy xã

PHIẾU CỘNG
BẢNG TÍNH NHU CẦU CHÍNH SÁCH NGHỊ HỮU TRƯỚC TUỔI THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 178/2024/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH 67/2025/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

[illegible]



BẢNG TÍNH NHU CẦU CHÍNH SÁCH NGHỊ THỜI VIỆC THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 178/2024/NĐ-CP NGHỊ ĐỊNH 67/2025/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ
(theo thời gian tính từ ngày 01/01/2025 của UBND xã Đắk Kôi)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo chuyên môn	Chức vụ	Đơn vị công tác	Mức lương-thưởng hiện hưởng (đồng)						Số năm đóng BHXH theo số BHXH		Thời điểm đề nghị nghỉ	Kinh phí để thực hiện chế độ sắp xếp (đồng)				Được trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm (Không bao gồm đối tượng viên chức)
							Tổng cộng hệ số	Hệ số	Phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có)	Phụ cấp thâm niên nghề nghiệp (nếu có)	Phụ cấp công vụ	Mức lương cơ sở (tính thời điểm tháng liền kề tháng nghỉ việc)	Tiền lương tháng hiện hưởng	Tổng số		Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Trợ cấp thôi việc	Tổng cộng	Trợ cấp 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.	
A	B	C	D	E	F	G	$I=(8+...+10)$	2	3	4	5,00	6	7	8	9	10	11	13	14	
KHỎI ĐẢNG, ĐOÀN THỂ																				
A	Cơ quan Đảng, đoàn thể chính trị																			
1	Trương Thị Mỹ Linh	Nữ	12/20/1985	Đại học Luật	Chuyên viên	Ban xây dựng Đảng	4,58	3,66			0,915	2.340.000	10.705.500	14 năm, 8 tháng	31/8/2025	786.854.250	513.864.000	240.873.750	32.116.500	
2	A Cửu	Nam	11/16/1986	Đại học Quản lý Nhà nước	Chuyên viên	Ban xây dựng Đảng	4,41	3,33	0,20		0,8825	2.340.000	10.325.250	18 năm, 8 tháng	31/8/2025	820.857.375	495.612.000	294.269.625	30.975.750	
3	Đặng Thị Thủy	Nữ	22/08/1987	Đại học Luật	Chuyên viên	UBMTTQ VN xã	3,94	3,00	0,15		0,7875	2.340.000	9.213.750	13 năm, 4 tháng	31/8/2025	656.479.688	442.260.000	186.578.438	27.641.250	
4	A Đạt	Nam	9/2/1991	Đại học Quản lý Nhà nước	Chuyên viên	UBMTTQ VN xã	3,94	3,00	0,15		0,7875	2.340.000	9.213.750	9 năm, 5 tháng	31/8/2025	601.197.188	442.260.000	131.295.938	27.641.250	
5	Y Xanh	Nữ	3/18/1988	Đại học Luật	Chuyên viên	UBMTTQ VN xã	4,35	3,33	0,15		0,87	2.340.000	10.179.000	11 năm, 9 tháng	31/8/2025	702.351.000	488.592.000	183.222.000	30.537.000	
6	A Trường	Nam	10/10/1985	Đại học Luật	Chuyên viên	UBMTTQ VN xã	3,53	2,67	0,15		0,705	2.340.000	8.248.500	14 năm, 10 tháng	31/8/2025	606.264.750	395.928.000	185.591.250	24.745.500	
7	A Minh	Nam	10/3/1978	Đại học Quản lý Nhà nước	Chuyên viên	UBMTTQ VN xã	5,24	3,99	0,20		1,0475	2.340.000	12.255.750	21 năm, 0 tháng	31/8/2025	1.011.099.375	588.276.000	386.056.125	36.767.250	
8	A Thủy	Nam	1/1/1979	Đại học Luật	Chuyên viên	UBMTTQ VN xã	3,53	2,67	0,15		0,705	2.340.000	8.248.500	21 năm, 7 tháng	31/8/2025	692.874.000	395.928.000	272.200.500	24.745.500	
TỔNG CỘNG 08 TRƯỞNG HỢP																5.877.977.625	3.762.720.000	1.880.087.625	235.170.000	



/TTT-UBND ngày

STT	Họ và tên	HỆ SỐ LƯƠNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP ĐÓNG GÓP THÁNG LIÊN KÈ TRƯỚC KHI NGHỈ VIỆC										Lương
		Tổng số	Hệ số lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh nghề nghiệp hiện hưởng	Tổng hệ số các khoản phụ cấp	Trong đó						Phụ cấp công tác đảng, đoàn thể chính trị - xã hội	
					Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung	Phụ cấp thâm niên nghề	Phụ cấp ưu đãi theo nghề	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề	Phụ cấp công vụ		
1	Trương Hồng Doanh	5,36	3,99	1,37	0,30						1,07	12.548.250
2	A Thủy	3,53	2,67	0,86	0,15						0,71	8.248.500
3	A Đạt	3,94	3,00	0,94	0,15						0,79	9.213.750
4	A Trường	3,53	2,67	0,86	0,15						0,71	8.248.500
5	Y Xanh	4,35	3,33	1,02	0,15						0,87	10.179.000
6	Đặng Thị Thủy	3,94	3,00	0,94	0,15						0,79	9.213.750
7	A Minh	5,24	3,99	1,25	0,20						1,05	12.255.750
8	A Câu	4,41	3,33	1,08	0,20						0,88	10.325.250
9	Trương Thị Mỹ Linh	4,58	3,66	0,92							0,92	10.705.500



**BẢNG TÍNH KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ
THEO NGHỊ ĐỊNH 178/2024/NĐ-CP**

Họ và tên:
Chức vụ, đơn vị công tác:
Chính sách TGBC được hưởng:

Trương Hồng Doanh
Chuyên viên Ban xây dựng Đảng
nghỉ hưu trước tuổi

Ngày sinh: 01/05/1971

Ngày bắt đầu đóng BHXH: 01/3/2004

Ngày tính giảm: 31/8/2025

Tuổi nghỉ: 54 Năm 4 Tháng

Tuổi nghỉ hưu theo quy định 62 Năm 0 Tháng PL II NĐ 135/2020

Nghỉ trước: 7 Năm 8 Tháng Số tháng nghỉ trước 92,0 Số năm nghỉ trước 8

Thời gian tham gia đóng BHXH: 21 Năm 6 Tháng

= 15 năm + 6 Năm 6 Tháng

≈ 15 năm + 6,5 Năm

1. Trợ cấp hưu trí 01 lần cho thời gian nghỉ sớm:	677.605.500
a. Nghỉ trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền	677.605.500
- Có tuổi đời từ đủ 05 năm trở xuống đến tuổi nghỉ hưu: 01 tháng lương hiện hưởng x số tháng nghỉ sớm so với thời điểm nghỉ hưu	
- Có tuổi đời còn trên 05 năm đến đủ 10 năm đến tuổi nghỉ hưu: 0,9 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với 60 tháng	677.605.500
- Có tuổi đời còn dưới 02 năm đến tuổi nghỉ hưu: 01 tháng lương hiện hưởng x số tháng nghỉ sớm so với thời điểm nghỉ hưu	
b. Nghỉ từ tháng thứ 13 trở đi kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền (hưởng bằng 0,5 mức trợ cấp tại điểm a khoản 1)	
2. Hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và số năm nghỉ sớm:	492.518.813
a. Có tuổi đời còn từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để được hưởng lương hưu	
- Trợ cấp 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP	
- Trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng cho 15 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc	
- Từ năm thứ 16 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng	
b. Có tuổi đời còn trên 05 năm đến đủ 10 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để được hưởng lương hưu theo quy định	492.518.813
- Trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP	401.544.000
- Trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng cho 15 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc	50.193.000
- Từ năm thứ 16 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 0,5 tháng	40.781.813
c. Có tuổi đời còn từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để được hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, trong đó có đủ 15 năm trở lên làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	-
- Trợ cấp 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP	
- Trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng cho 15 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc	
- Từ năm thứ 16 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng	
Tổng trợ cấp:	1.170.124.313



**BẢNG TÍNH KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ THEO
NGHỊ ĐỊNH 178/2024/NĐ-CP**

Họ và tên: **Trương Thị Mỹ Linh**
Chức vụ, đơn vị công tác: **Chuyên viên Ban xây dựng Đảng**
Chính sách TGBC được hưởng: **Nghỉ thôi việc**
Ngày sinh: **20/12/1985**
Ngày bắt đầu đóng BHXH: **1/1/2011**
Ngày tính giảm: **31/8/2025**
Tuổi nghỉ: **39** Năm **8** Tháng
Thời gian tham gia đóng BHXH: **14** Năm **8** Tháng
≈ **15** Năm

	1. Trợ cấp thôi việc:	513.864.000
	a) Đối với người nghỉ thôi việc trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền thì được hưởng trợ cấp bằng 0,8 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng tính hưởng trợ cấp thôi việc.	513.864.000
	b. Đối với người nghỉ thôi việc từ tháng thứ 13 trở đi kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền thì được hưởng bằng 0,4 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng tính hưởng trợ cấp thôi việc	
	2. Được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.	240.873.750
	3. Được trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm.	32.116.500
	Tổng trợ cấp:	786.854.250



**BẢNG TÍNH KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ THEO
NGHỊ ĐỊNH 178/2024/NĐ-CP**

Họ và tên: **A Câu**
Chức vụ, đơn vị công tác: **Chuyên viên Ban xây dựng Đảng**
Chính sách TGBC được hưởng: **Nghỉ thôi việc**
Ngày sinh: **16/11/1986**
Ngày bắt đầu đóng BHXH: **1/1/2007**
Ngày tính giảm: **31/8/2025**
Tuổi nghỉ: **38** Năm **9** Tháng
Thời gian tham gia đóng BHXH: **18** Năm **8** Tháng
≈ **19** Năm

	1. Trợ cấp thôi việc:	495.612.000
	a) Đối với người nghỉ thôi việc trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền thì được hưởng trợ cấp bằng 0,8 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng tính hưởng trợ cấp thôi việc.	495.612.000
	b. Đối với người nghỉ thôi việc từ tháng thứ 13 trở đi kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền thì được hưởng bằng 0,4 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng tính hưởng trợ cấp thôi việc	
	2. Được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.	294.269.625
	3. Được trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm.	30.975.750
	Tổng trợ cấp:	820.857.375



**BẢNG TÍNH KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ
THEO NGHỊ ĐỊNH 178/2024/NĐ-CP**

Họ và tên: **Đặng Thị Thủy**

Chức vụ, đơn vị công tác: **Chuyên viên UBMTTQ VN xã**

Chính sách TGBC được hưởng: **Nghỉ thôi việc**

Ngày sinh: **22/08/1987**

Ngày bắt đầu đóng BHXH: **1/7/2011**

Ngày tính giảm: **31/8/2025**

Tuổi nghỉ: **38** Năm **0** Tháng

Thời gian tham gia đóng BHXH: **13** Năm **4** Tháng

≈ **13,5** Năm

	1. Trợ cấp thôi việc:	442.260.000
	a) Đối với người nghỉ thôi việc trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền thì được hưởng trợ cấp bằng 0,8 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng tính hưởng trợ cấp thôi việc.	442.260.000
	b. Đối với người nghỉ thôi việc từ tháng thứ 13 trở đi kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền thì được hưởng bằng 0,4 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng tính hưởng trợ cấp thôi việc	
	2. Được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.	186.578.438
	3. Được trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm.	27.641.250
	Tổng trợ cấp:	656.479.688



**BẢNG TÍNH KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ
THEO NGHỊ ĐỊNH 178/2024/NĐ-CP**

Họ và tên: **A Đạt**

Chức vụ, đơn vị công tác: **Chuyên viên UBMTTQ VN xã**

Chính sách TGBC được hưởng: **Nghỉ thôi việc**

Ngày sinh: **2/9/1991**

Ngày bắt đầu đóng BHXH: **1/1/2016**

Ngày tính giảm: **31/8/2025**

Tuổi nghỉ: **33** Năm **11** Tháng

Thời gian tham gia đóng BHXH: **9** Năm **5** Tháng

≈ 9,5 Năm

	1. Trợ cấp thôi việc:	442.260.000
	a) Đối với người nghỉ thôi việc trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền thì được hưởng trợ cấp bằng 0,8 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng tính hưởng trợ cấp thôi việc.	442.260.000
	b. Đối với người nghỉ thôi việc từ tháng thứ 13 trở đi kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền thì được hưởng bằng 0,4 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng tính hưởng trợ cấp thôi việc	
	2. Được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.	131.295.938
	3. Được trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm.	27.641.250
	Tổng trợ cấp:	601.197.188



**BẢNG TÍNH KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ
THEO NGHỊ ĐỊNH 178/2024/NĐ-CP**

Họ và tên: **Y Xanh**
Chức vụ, đơn vị công tác: **Chuyên viên UBMTTQ VN xã**
Chính sách TGBC được hưởng: **Nghỉ thôi việc**
Ngày sinh: **18/3/1988**
Ngày bắt đầu đóng BHXH: **1/12/2013**
Ngày tính giảm: **31/8/2025**
Tuổi nghỉ: **37** Năm **5** Tháng
Thời gian tham gia đóng BHXH: **11** Năm **9** Tháng
≈ **12** Năm

	1. Trợ cấp thôi việc:	488.592.000
	a) Đối với người nghỉ thôi việc trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền thì được hưởng trợ cấp bằng 0,8 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng tính hưởng trợ cấp thôi việc.	488.592.000
	b. Đối với người nghỉ thôi việc từ tháng thứ 13 trở đi kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền thì được hưởng bằng 0,4 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng tính hưởng trợ cấp thôi việc	
	2. Được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.	183.222.000
	3. Được trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm.	30.537.000
	Tổng trợ cấp:	702.351.000



**BẢNG TÍNH KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ
THEO NGHỊ ĐỊNH 178/2024/NĐ-CP**

Họ và tên: **A Trường**
Chức vụ, đơn vị công tác: **Chuyên viên UBMTTQ VN xã**
Chính sách TGBC được hưởng: **Nghỉ thôi việc**
Ngày sinh: **10/10/1985**
Ngày bắt đầu đóng BHXH: **1/11/2010**
Ngày tính giảm: **31/8/2025**
Tuổi nghỉ: **39** Năm **10** Tháng
Thời gian tham gia đóng BHXH: **14** Năm **10** Tháng
≈ 15 Năm

	1. Trợ cấp thôi việc:	395.928.000
	a) Đối với người nghỉ thôi việc trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền thì được hưởng trợ cấp bằng 0,8 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng tính hưởng trợ cấp thôi việc.	395.928.000
	b. Đối với người nghỉ thôi việc từ tháng thứ 13 trở đi kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền thì được hưởng bằng 0,4 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng tính hưởng trợ cấp thôi việc	
	2. Được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.	185.591.250
	3. Được trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm.	24.745.500
	Tổng trợ cấp:	606.264.750



**BẢNG TÍNH KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ
THEO NGHỊ ĐỊNH 178/2024/NĐ-CP**

Họ và tên: **A Minh**

Chức vụ, đơn vị công tác: **Chuyên viên UBMTTQ VN xã**

Chính sách TGBC được hưởng: **Nghỉ thôi việc**

Ngày sinh: **3/10/1978**

Ngày bắt đầu đóng BHXH: **1/9/2004**

Ngày tính giảm: **31/8/2025**

Tuổi nghỉ: **46** Năm **10** Tháng

Thời gian tham gia đóng BHXH: **21** Năm **0** Tháng

≈ 21 Năm

	1. Trợ cấp thôi việc:	588.276.000
	a) Đối với người nghỉ thôi việc trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền thì được hưởng trợ cấp bằng 0,8 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng tính hưởng trợ cấp thôi việc.	588.276.000
	b. Đối với người nghỉ thôi việc từ tháng thứ 13 trở đi kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền thì được hưởng bằng 0,4 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng tính hưởng trợ cấp thôi việc	
	2. Được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.	386.056.125
	3. Được trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm.	36.767.250
	Tổng trợ cấp:	1.011.099.375



**BẢNG TÍNH KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ
THEO NGHỊ ĐỊNH 178/2024/NĐ-CP**

Họ và tên: **A Thủy**

Chức vụ, đơn vị công tác: **Chuyên viên UBMTTQ VN xã**

Chính sách TGBC được hưởng: **Nghỉ thôi việc**

Ngày sinh: **1/1/1979**

Ngày bắt đầu đóng BHXH: **1/2/2004**

Ngày tính giảm: **31/8/2025**

Tuổi nghỉ: **46** Năm **8** Tháng

Thời gian tham gia đóng BHXH: **21** Năm **7** Tháng

≈ 22 Năm

	1. Trợ cấp thôi việc:	395.928.000
	a) Đối với người nghỉ thôi việc trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền thì được hưởng trợ cấp bằng 0,8 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng tính hưởng trợ cấp thôi việc.	395.928.000
	b. Đối với người nghỉ thôi việc từ tháng thứ 13 trở đi kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền thì được hưởng bằng 0,4 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng tính hưởng trợ cấp thôi việc	
	2. Được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.	272.200.500
	3. Được trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm.	24.745.500
	Tổng trợ cấp:	692.874.000